

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **69** /2026 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026

Hà Nội, ngày **27** tháng 08 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Căn cứ theo khoản 4, điều 14, chương III, Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020, Công ty xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1.633.464.329.285	2.136.490.836.035	(503.026.506.750)	(23,54)
11	Giá vốn hàng bán	1.184.956.862.166	1.592.986.048.638	(408.029.186.472)	(25,61)
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	448.507.467.119	543.504.787.397	(94.997.320.278)	(17,48)
22	Doanh thu tài chính	54.488.720.123	73.701.274.262	(19.212.554.139)	(26,07)
23	Chi phí tài chính	22.468.371.326	27.973.967.144	(5.505.595.818)	(19,68)
24	<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	<i>14.028.772.317</i>	<i>18.890.693.503</i>	<i>(4.861.921.186)</i>	<i>(25,74)</i>
25	Chi phí bán hàng	104.930.581.934	104.215.208.398	715.373.536	0,69
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.263.590.936	31.642.135.525	21.621.455.411	68,33
31	Thu nhập khác	151.702.913	194.242.351	(42.539.438)	(21,90)
32	Chi phí khác	12.582.235.011	5.850.849.563	6.731.385.448	115,05
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	309.903.110.948	447.718.143.380	(137.815.032.432)	(30,78)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	53.117.199.005	71.972.279.736	(18.855.080.731)	(26,20)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.177.623.691	1.070.295.175	2.107.328.516	196,89
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	253.608.288.252	374.675.568.469	(121.067.280.217)	(32,31)



II. Nguyên nhân biến động

Nguyên nhân dẫn đến biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 503.026.506.750 đồng (23,54%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán giảm.
2. Giá vốn bán hàng giảm 408.029.186.472 đồng (25,61%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 94.997.320.278 đồng (17,48%)
3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 19.212.554.139 đồng (26,07%), nguyên nhân:
 - Lãi chênh lệch tỷ giá giảm 28.791.882.009 đồng.
 - Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 9.579.327.870 đồng.
4. Chi phí tài chính giảm 5.505.595.818 đồng (19,68%), nguyên nhân chính do:
 - Chi phí đi vay giảm 4.861.921.186 đồng.
 - Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 919.298.589 đồng.
5. Chi phí bán hàng tăng 715.373.536 đồng (0,69%), nguyên nhân chính:
 - Chi phí lương bán hàng tăng 3.491.471.678 đồng
 - Chi phí vận chuyển xếp dỡ giảm 6.100.109.296 đồng
 - Chi phí đóng hàng giảm 1.262.827.523 đồng
 - Chi phí bán hàng khác tăng 4.586.838.677 đồng
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 21.621.455.411 đồng (68,33%), nguyên nhân chính:
 - Chi phí lương quản lý tăng 11.198.072.295 đồng
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp khác tăng 10.858.438.823 đồng
7. Chi phí khác tăng: 6.731.385.448 đồng (115,05%)

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty giảm 137.815.032.432 đồng (30,78%), lợi nhuận sau thuế giảm 121.067.280.217 đồng (32,31%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính giảm, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác tăng.

04694
ÔNG T
Ổ PHẦN
OSTO
PHỔ HI

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD.
- Lưu VT. TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trí Dũng

